

1 Hộ tịch · Giấy đăng ký cư trú

(1) Giấy đăng ký cư trú

Đây là loại giấy tờ có ghi các mục như họ tên, ngày tháng năm sinh, địa chỉ, v.v..., dùng để ghi nhận, chứng minh quốc tịch/khu vực, tư cách lưu trú, thời gian lưu trú, v.v... của cư dân nước ngoài, vì vậy giấy này là cơ sở cho việc đăng ký con dấu, bảo hiểm sức khỏe quốc gia, thuế, v.v...

Những đối tượng sau đây sẽ được làm Giấy đăng ký cư trú giống như người Nhật.

<<Đối tượng được làm Giấy đăng ký cư trú>>

- ① Người lưu trú trung và dài hạn (đối tượng được cấp thẻ lưu trú)
Người nước ngoài có tư cách lưu trú trên 3 tháng mà không phải là người có tư cách lưu trú ngắn hạn/ngoại giao/công vụ
 - ② Người vĩnh trú đặc biệt
 - ③ Người quá hạn lưu trú do sinh con hoặc người quá hạn lưu trú do mất quốc tịch
Người nước ngoài có thể tiếp tục lưu trú tại Nhật Bản do sinh con hoặc mất quốc tịch Nhật Bản. Đối tượng này có thể lưu trú tại Nhật Bản mà không cần tư cách lưu trú, trong tối đa 60 ngày kể từ ngày sinh con hoặc mất quốc tịch Nhật Bản.
 - ④ Người được cấp phép tị nạn tạm thời, người được cấp phép tạm lưu trú tại Nhật Bản
- * Các đối tượng không thuộc diện từ ① ~ ④ nêu trên không thể đăng ký cư trú.
Chúng tôi không thể phát hành bản sao giấy đăng ký cư trú hoặc chứng nhận con dấu.

(2) Bản sao giấy đăng ký cư trú

Nếu bạn cần chứng minh về các mục được ghi trong giấy đăng ký cư trú, chúng tôi có thể phát hành bản sao giấy đăng ký cư trú. Trong trường hợp đó, vui lòng mang theo các giấy tờ cần thiết để yêu cầu với Ban Hộ tịch và cư trú hoặc các văn phòng chi nhánh đặc biệt (P19).

Giấy tờ cần thiết khi xin cấp bản sao	Lệ phí	Địa điểm xin cấp
Giấy tờ xác minh danh tính của người xin cấp (thẻ lưu trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm, hộ chiếu, v.v...)	300 yên/bản	Quầy hộ tịch và cư trú Các văn phòng chi nhánh đặc biệt (P19)

*Bạn cũng có thể để người đại diện nộp đơn xin. Người đại diện vui lòng mang theo “Giấy ủy quyền” và giấy tờ xác minh danh tính của người đại diện (thẻ lưu trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm, hộ chiếu, v.v...).

(3) Thủ tục chuyển đến từ nước ngoài, thay đổi địa chỉ, v.v...

[Nơi liên hệ] Ban Hộ tịch và cư trú ☎ 03-5744-1185

Thủ tục liên quan đến địa chỉ được thực hiện tại Ban Hộ tịch và cư trú hoặc văn phòng chi nhánh đặc biệt (P19).

Các loại khai báo	Thời hạn khai báo	Giấy tờ cần thiết cho việc khai báo
Khai báo chuyển đến từ nước ngoài	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày bắt đầu cư trú	Thẻ lưu trú, hộ chiếu, giấy phép tạm trú, giấy phép tị nạn tạm thời hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt *Có thể cần thêm giấy tờ chứng minh mối quan hệ của bạn với chủ hộ.
Khai báo khi trở thành người lưu trú trung và dài hạn, v.v...	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày bạn trở thành người lưu trú trung và dài hạn, v.v...	
Khai báo chuyển đến từ quận khác	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở	Giấy xác nhận chuyển đi do quận, thành phố, thị trấn, làng xã nơi cư trú trước đây cấp/Thẻ lưu trú của tất cả thành viên trong hộ gia đình (hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt nếu bạn là người vĩnh trú đặc biệt)
Khai báo chuyển đi	Trước khi chuyển chỗ ở	Thẻ lưu trú của tất cả thành viên trong hộ gia đình (hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt nếu bạn là người vĩnh trú đặc biệt)
Khai báo chuyển nơi ở	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày chuyển chỗ ở	*Nếu bạn có thể bảo hiểm sức khỏe quốc gia, giấy bảo hiểm chăm sóc, giấy chứng nhận y tế cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, thẻ chứng nhận người được hưởng bảo hiểm y tế cho người cao tuổi từ 75 tuổi trở lên, v.v..., vui lòng hoàn trả lại các giấy tờ này. *Trong trường hợp thay đổi mối quan hệ, cần có giấy tờ chứng minh mối quan hệ và bản dịch của giấy tờ đó
Thông báo thay đổi hộ gia đình	Trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi	
Khai báo thay đổi mối quan hệ với chủ hộ		

*Bạn cũng có thể để người đại diện khai báo. Người đại diện vui lòng mang theo “Giấy ủy quyền” và giấy tờ xác minh danh tính của người đại diện (thẻ lưu trú, giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, giấy phép lái xe, thẻ bảo hiểm, hộ chiếu, v.v...).

(4) Khai báo liên quan đến hộ tịch

[Nơi liên hệ] Ban Hộ tịch và cư trú ☎ 03-5744-1183

Các loại khai báo và thời gian khai báo	Nơi khai báo	Giấy tờ cần thiết cho việc khai báo, v.v...	Người khai báo
Khai sinh Trong vòng 14 ngày kể cả ngày sinh em bé (tham khảo chương 11 để biết thêm về phần trẻ em)	① Nơi thường trú của bố, mẹ ② Nơi ở của người khai báo ③ Nơi sinh con	Hồ sơ khai báo (1 bản cho quận Ota) Giấy chứng sinh (có xác nhận của bác sĩ hoặc y tá hộ sinh)	Bố hoặc mẹ (Vui lòng liên hệ để được tư vấn đối với trường hợp khác)

Các loại khai báo và thời gian khai báo	Nơi khai báo	Giấy tờ cần thiết cho việc khai báo, v.v...	Người khai báo
Khai báo kết hôn (tham khảo chương 6 để biết thêm về phần kết hôn)	<ol style="list-style-type: none"> ① Nơi thường trú của người sẽ trở thành chồng hoặc vợ ② Nơi ở của người sẽ trở thành chồng hoặc vợ 	Hồ sơ khai báo (1 bản cho quận Ota) Giấy tờ xác minh danh tính của người đến quầy (bằng lái xe, hộ chiếu, v.v.)	Người sẽ trở thành chồng, người sẽ trở thành vợ
Khai báo ly hôn thuận tình (tham khảo chương 6 để biết thêm về phần ly hôn)	<ol style="list-style-type: none"> ① Nơi thường trú của hai vợ chồng ② Nơi ở của hai vợ chồng 	Hồ sơ khai báo (1 bản cho quận Ota) Bản sao giấy đăng ký cư trú của vợ/chồng người Nhật Giấy tờ xác minh danh tính của những người đến quầy (bằng lái xe, hộ chiếu, v.v.)	Chồng, vợ
Khai báo qua đời Trong vòng 7 ngày kể từ ngày xác nhận qua đời	<ol style="list-style-type: none"> ① Nơi thường trú của người qua đời ② Nơi ở của người khai báo ③ Nơi qua đời 	Hồ sơ khai báo (1 bản cho quận Ota) Giấy chứng tử (có xác nhận của bác sĩ)	Người thân, người sống cùng nhà của người qua đời (Vui lòng liên hệ để được tư vấn đối với trường hợp khác)
Khi nhận được giấy khai tử, chúng tôi sẽ cấp giấy phép mai táng.			

*Trường hợp qua đời ở nước ngoài

Nếu cần xóa bỏ giấy đăng ký cư trú, người sống cùng hộ phải mang theo bản gốc và bản dịch của giấy chứng nhận chính thức xác minh việc qua đời đến chính quyền địa phương nơi đăng ký cư trú để làm thủ tục.

**“Nơi ở” được đề cập trong mục “Nơi khai báo” bao gồm nơi cư trú và nơi tạm trú.

2

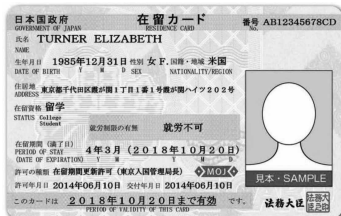
VỀ “Thẻ lưu trú” và “Giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt”

[Nơi liên hệ] • Về thẻ lưu trú: Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo

☎ 0570-034259

• Về giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt: Ban Hộ tịch và cư trú ☎ 03-5744-1187

*“Thẻ lưu trú” sẽ được cấp cho người lưu trú trung và dài hạn, còn “giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt” sẽ được cấp cho người vĩnh trú đặc biệt.



(1) Thủ tục liên quan đến lưu trú, thủ tục gia hạn thẻ lưu trú/giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt

Tất cả các thủ tục thay đổi không phải về địa chỉ, như thay đổi tư cách lưu trú của người lưu trú trung và dài hạn, gia hạn thời gian lưu trú, gia hạn thẻ lưu trú, thay đổi họ tên, quốc tịch, v.v..., đều là các thủ tục sẽ được thực hiện tại Tổng cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Nhật Bản (hoặc Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo nếu là người sống trong quận Ota).

Các thủ tục liên quan đến thay đổi họ tên, quốc tịch của người vĩnh trú đặc biệt, và gia hạn giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt sẽ được thực hiện tại Ban Hộ tịch và cư trú.

(2) Thẻ lưu trú là gì?

Thẻ lưu trú là loại thẻ được cấp cho *người lưu trú trung và dài hạn khi họ được cấp phép liên quan đến lưu trú, gồm có cấp phép vào Nhật Bản, cấp phép thay đổi tư cách lưu trú, cấp phép gia hạn thời gian lưu trú.

Thẻ lưu trú được gắn chip IC để chống làm giả, toàn bộ hoặc một phần các mục ghi trên mặt thẻ đều được lưu lại.

*Người lưu trú trung và dài hạn là gì?

Người lưu trú trung và dài hạn nằm trong hệ thống quản lý lưu trú là những người không thuộc bất kỳ trường hợp nào sau đây.

- Người đã được quyết định thời gian lưu trú từ “3 tháng” trở xuống
- Người đã được quyết định tư cách lưu trú là “lưu trú ngắn hạn”
- Người đã được quyết định tư cách lưu trú là “ngoại giao” hoặc “công vụ”
- Nhân viên đã được quyết định tư cách lưu trú là “hoạt động đặc định”, thuộc văn phòng Hiệp hội quan hệ Đài Loan – Nhật Bản (Văn phòng đại diện Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Nhật Bản, v.v...) hoặc Tổng cơ quan đại diện Palestine tại Nhật Bản, hoặc gia đình của nhân viên đó

- Người vĩnh trú đặc biệt
- Người được tha bổng tạm thời
- Người không có tư cách lưu trú

① Thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú

Vui lòng đăng ký gia hạn thời hạn hiệu lực tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo trước khi hết thời hạn hiệu lực.

[Người vĩnh trú]

Người từ 16 tuổi trở lên: 7 năm kể từ khi cấp

Người dưới 16 tuổi: đến sinh nhật 16 tuổi

[Đối tượng khác, không phải người vĩnh trú]

Người từ 16 tuổi trở lên: cho đến ngày hết hạn của thời gian lưu trú

Người dưới 16 tuổi: cho đến ngày hết hạn của thời gian lưu trú hoặc sinh nhật 16 tuổi, chọn ngày sớm hơn trong 2 trường hợp này

② Thủ tục tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo

○ Khai báo thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch/khu vực

Khi bạn thay đổi họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch/khu vực, chẳng hạn như trường hợp bạn thay đổi họ, quốc tịch/khu vực lúc kết hôn, v.v..., vui lòng khai báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo trong vòng 14 ngày kể từ ngày thay đổi.

○ Đăng ký gia hạn thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú

Với người vĩnh trú, hoặc người dưới 16 tuổi và có thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú rơi vào ngày sinh nhật năm 16 tuổi, vui lòng đăng ký gia hạn thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo trước ngày hết hạn.

Ngoài ra, người vĩnh trú có thể đăng ký từ 2 tháng trước ngày hết thời hạn hiệu lực; người dưới 16 tuổi và có thời hạn hiệu lực của thẻ lưu trú rơi vào ngày sinh nhật năm 16 tuổi có thể đăng ký từ 6 tháng trước ngày sinh nhật 16 tuổi.

○ Đăng ký cấp lại thẻ lưu trú

Trường hợp thẻ lưu trú của bạn bị mất, bị đánh cắp, bị hủy hoại, bị nhiễm bẩn hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng, v.v..., vui lòng đăng ký cấp lại tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo.

- Nếu thẻ lưu trú của bạn bị mất, bị đánh cắp hoặc bị hủy hoại, v.v..., vui lòng đăng ký cấp lại trong vòng 14 ngày kể từ ngày bạn biết được sự việc đó (hoặc ngày tái nhập cảnh nếu bạn biết sự việc đó ở nước ngoài).

- Nếu thẻ lưu trú của bạn bị nhiễm bẩn hoặc bị hư hỏng nghiêm trọng, v.v..., vui lòng đăng ký cấp lại càng sớm càng tốt.

*Vui lòng liên hệ với Cục Quản lý xuất nhập cảnh và lưu trú Tokyo để biết về các loại giấy tờ cần thiết khi đăng ký.

3 Đăng ký con dấu

[Nơi liên hệ] Ban Hộ tịch và cư trú ☎ 03-5744-1185

Khi mua bán bất động sản, đăng ký, hoặc ký kết hợp đồng, bạn cần có con dấu đã đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký con dấu để thay cho chữ ký. Do đó, việc đăng ký con dấu là cần thiết.

(1) Người có thể đăng ký con dấu tại quận Ota

Người có giấy đăng ký cư trú tại quận Ota. Mỗi người được đăng ký 1 con dấu. Người dưới 15 tuổi và người trưởng thành cần được giám hộ (*) không thể đăng ký.

*Có thể đăng ký nếu có người giám hộ đi cùng.

(2) Thủ tục đăng ký con dấu

Để đăng ký, bạn phải tự mình trực tiếp mang theo con dấu có thể hiện họ tên và tên thường gọi được ghi trên giấy đăng ký cư trú, và thẻ lưu trú hoặc giấy chứng nhận người vĩnh trú đặc biệt, v.v... đến Ban Hộ tịch và cư trú hoặc các văn phòng chi nhánh đặc biệt (P19).

Những người đã đăng ký sẽ được trao cho thẻ đăng ký con dấu. (Phí là 100 yên).

(3) Yêu cầu về dấu ấn

Có giới hạn về kích thước của dấu ấn và phải đáp ứng được 2 yêu cầu sau.

- ① Không nhỏ hơn hình vuông có cạnh 8 mm.
- ② Vừa với hình vuông có cạnh 25 mm.

*Bạn không thể đăng ký các con dấu dễ bị biến dạng chẳng hạn như con dấu cao su, v.v..., các con dấu không có khung bên ngoài hoặc không thể hiện đầy đủ nội dung, v.v...

(4) Khi mất thẻ đăng ký con dấu

Bạn cần phải nộp “Đơn báo mất thẻ đăng ký con dấu” và đăng ký lại con dấu.

(5) Cấp giấy chứng nhận đăng ký con dấu

Vui lòng đăng ký tại các văn phòng chi nhánh đặc biệt (P19) hoặc tại quầy hộ tịch và cư trú ở tầng 1 tòa nhà chính của Tòa thị chính quận Ota. Bạn có thể tự mình trực tiếp đăng ký hoặc để người đại diện đăng ký, nhưng hãy nhớ mang theo thẻ đăng ký con dấu. (Phí là 300 yên/bản)

